

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1092/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)

Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ II (2019 - 2024) của Tổng hội thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2019 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Kal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Công an, C06;
- Lưu: VT, Vụ TCCP, TM (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

TỔNG HỘI NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1092/QĐ-BNV ngày 20 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Federation of Agriculture and Rural Development Associations.
3. Tên viết tắt: VFARDA.
4. Biểu tượng: Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các tổ chức hội chuyên ngành, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, và công dân Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, huy động nguồn lực của cá nhân và tập thể để trao đổi kinh nghiệm giữa các hội viên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.
2. Mục đích của Tổng hội là tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Tổng hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Tổng hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định của pháp luật.
2. Trụ sở chính của Tổng hội đặt tại số 60 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tổng hội có văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Tổng hội hoạt động trên phạm vi cả nước, trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Tổng hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của các Bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật; và được gia nhập thành viên của các tổ chức quốc tế liên quan khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích và hoạt động của Tổng hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện theo đề nghị của các cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức các hội thảo, hội nghị có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật. Tham gia hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
6. Xúc tiến thương mại, giới thiệu đối tác và các dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, đầu tư có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Tổng hội và lĩnh vực Tổng hội hoạt động. Được tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
8. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của

Tổng hội theo quy định của pháp luật.

9. Thành lập pháp nhân thuộc Tổng hội theo quy định của pháp luật.

10. Được gây quỹ Tổng hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

11. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ ngành liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Tổng hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Tổng hội đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Tổng hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Tổng hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động Tổng hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng hội.

4. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Tổng hội theo Điều lệ Tổng hội và theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực hoạt động Tổng hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Tổng hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Tổng hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Các hội, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, công dân Việt Nam hoạt

động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn, tán thành Điều lệ Tổng hội, tự nguyện gia nhập Tổng hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Tổng hội;

b) Hội viên liên kết: Các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội, có đóng góp cho sự phát triển của Tổng hội, tán thành Điều lệ Tổng hội thì được Tổng hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự: Công dân hoặc tổ chức Việt Nam có đóng góp xuất sắc cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cho Tổng hội nhưng không đủ điều kiện là hội viên chính thức thì được mời làm hội viên danh dự của Tổng hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, có phẩm chất, kinh nghiệm chuyên môn hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Tổng hội; tự nguyện viết Đơn xin gia nhập Tổng hội (theo mẫu Đơn do Tổng hội quy định);

b) Hội viên tổ chức: Là các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hoạt động hợp pháp trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn, có điều kiện tham gia thường xuyên, đầy đủ các hoạt động của Tổng hội, tự nguyện viết Đơn xin gia nhập Tổng hội (theo mẫu Đơn do Tổng hội quy định) kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Mỗi tổ chức là hội viên chính thức cử 01 (một) người làm đại diện làm đầu mối tham gia các hoạt động của Tổng hội, người đại diện phải làm việc chính thức tại tổ chức có tư cách pháp nhân đó. Trường hợp người đại diện chấm dứt công tác hoặc không còn phù hợp để làm người đại diện của tổ chức tại Tổng hội thì tổ chức đó phải có văn bản cử người khác thay thế.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Tổng hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Tổng hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội, được tham gia các hoạt động do Tổng hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Tổng hội theo quy định của Tổng hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử của các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Tổng hội theo quy định của Tổng hội.
5. Được giới thiệu các tổ chức, công dân để trở thành hội viên của Tổng hội theo quy định của Điều lệ Tổng hội và quy định của pháp luật.
6. Được Tổng hội khen thưởng theo quy định của Tổng hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được ra khỏi Tổng hội khi xem xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề Tổng hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Tổng hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Tổng hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Tổng hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Tổng hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Tổng hội, không được nhân danh Tổng hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Tổng hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo các quy định của Tổng hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Tổng hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Tổng hội

1. Thủ tục gia nhập Tổng hội:

Các tổ chức, cá nhân nêu ở Điều 8 có nguyện vọng gia nhập Tổng hội cần nộp hồ sơ xin gia nhập gửi Văn phòng Tổng hội báo cáo Ban Thường vụ Tổng hội xem xét quyết định.

2. Hồ sơ gia nhập Tổng hội gồm có các giấy tờ sau:

- a) Đơn tự nguyện gia nhập Tổng hội (theo mẫu của Tổng hội);
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập (đối với tổ chức, doanh nghiệp);
- c) Tờ khai của hội viên theo mẫu quy định của Tổng hội.

3. Thẩm quyền kết nạp hội viên mới:

- a) Ban Thường vụ Tổng hội xem xét hồ sơ đăng ký gia nhập, báo cáo danh sách hội viên mới kết nạp tại phiên họp Ban Chấp hành gần nhất;
- b) Hội viên mới phải nộp hội phí trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được kết nạp.

4. Thủ tục xin ra khỏi Tổng hội:

- a) Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Tổng hội, cần gửi đơn đến Văn phòng Tổng hội để báo cáo Ban Thường vụ xem xét. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ ra thông báo chấp thuận bằng văn bản.

b) Hội viên bị xóa tên khỏi danh sách hội viên khi:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Tổng hội hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Tổng hội;

- Là pháp nhân đã ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

5. Thủ tục khai trừ và xóa tên hội viên:

a) Sau khi nhận được đơn xin tự nguyện rút khỏi Tổng hội, Ban Thường vụ Tổng hội xem xét, quyết định trong thời gian 15 (mười lăm) ngày. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch ký;

b) Văn phòng Tổng hội báo cáo tại kỳ họp Ban Chấp hành gần nhất và thông báo danh sách hội viên xin ra khỏi Tổng hội, hội viên bị khai trừ gửi tổ chức, địa phương quản lý hội viên và các hội viên biết.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Tổng hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Tổng hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Tổng hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Tổng hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Tổng hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Tổng hội;

đ) Quyết định những vấn đề quan trọng và các nội dung khác vượt thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ Tổng hội;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Tổng hội

1. Ban Chấp hành Tổng hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Tổng hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Tổng hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Tổng hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Tổng hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý; sử dụng tài chính, tài sản của Tổng hội; quy chế quản lý; sử dụng con dấu của Tổng hội; quy chế khen thưởng; kỷ luật; các quy định trong nội bộ Tổng hội phù hợp với quy định của Điều lệ Tổng hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bổ sung không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng hội;

b) Ban Chấp hành Tổng hội họp định kỳ một năm một lần và có thể bất thường theo đề nghị của Ban Thường vụ Tổng hội;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Tổng hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường

vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Tổng hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Tổng hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị trực thuộc Tổng hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội; quyết định kết nạp, khai trừ hội viên theo Điều lệ Tổng hội;

d) Ban Thường vụ Tổng hội thành lập Thường trực Tổng hội gồm: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Thường trực Tổng hội có nhiệm vụ: tổ chức, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Tổng hội theo Nghị quyết của Ban Thường vụ giữa 2 kỳ họp và báo cáo kết quả công tác trong kỳ họp gần nhất của Ban Thường vụ. Thường trực Tổng hội họp 1 (một) tháng 1 (một) lần hoặc họp đột xuất khi cần.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 3 (ba) tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Tổng hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị.

c) Các cuộc họp Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự cuộc họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Tổng hội

1. Ban Kiểm tra Tổng hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức. Ban Kiểm tra gồm Trưởng Ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Tổng hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Tổng hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Tổng hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Tổng hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động độc lập với Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Tổng hội

1. Chủ tịch Tổng hội là đại diện pháp luật của Tổng hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội. Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ Tổng hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Tổng hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Tổng hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Tổng hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Tổng hội; trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tổng hội về mọi hoạt động của Tổng hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Tổng hội theo Điều lệ Tổng hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tổng hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Tổng hội;

đ) Khi Chủ tịch Tổng hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Tổng hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Tổng hội.

3. Phó Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Tổng hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành Tổng hội quy định.

Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Tổng hội chỉ đạo, điều hành công tác của Tổng hội theo sự phân công của Chủ tịch Tổng hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tổng hội trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Tổng hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Tổng hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Tổng hội. Tùy theo tình hình thực tế, một Phó Chủ tịch có thể kiêm Tổng thư ký (các chức danh này đều phải bầu) và thực hiện các nhiệm vụ quy định đối với Phó Chủ tịch và Tổng thư ký theo Điều lệ Tổng hội.

Điều 18. Tổng thư ký Tổng hội

1. Tổng thư ký Tổng hội do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Tổng hội quy định.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Phụ trách điều hành hoạt động của Văn phòng Tổng hội; giúp việc Tổng thư ký có Chánh văn phòng do Tổng thư ký đề nghị Chủ tịch Tổng hội quyết định bổ nhiệm. Tổng thư ký phân công các nhiệm vụ cụ thể đối với Chánh văn phòng;

b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng Tổng hội, Quy chế quản lý tài chính, tài sản; Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Tổng hội báo cáo Ban Thường vụ thông qua để Tổng hội ban hành theo quy định;

c) Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Tổng hội theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tổng hội và pháp luật về hoạt động của Văn phòng Tổng hội và công việc được Chủ tịch Tổng hội phân công hoặc ủy quyền.

Điều 19. Văn phòng Tổng hội, các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc

1. Văn phòng Tổng hội là cơ quan giúp việc của Tổng hội do Tổng thư ký phụ trách chỉ đạo Chánh văn phòng điều hành trực tiếp các hoạt động theo Quy chế và Điều lệ Tổng hội. Tổ chức và nhân sự của Văn phòng do Tổng thư ký đề nghị và Ban Thường vụ thông qua, được Chủ tịch bổ nhiệm nhân sự theo quy định.

2. Ban Thư ký gồm: Tổng thư ký, các nhân sự chủ chốt và cán bộ giúp việc. Tổ chức và nhân sự của Ban Thư ký do Tổng thư ký đề xuất Ban Thường vụ thông qua, do Chủ tịch bổ nhiệm nhân sự chủ chốt theo quy định.

3. Các phòng, ban chuyên môn được thành lập để thực hiện các chương trình, đề án của Tổng hội. Ban thường vụ có thể mời một số chuyên gia trong hoặc ngoài Tổng hội tham gia các ban chuyên môn của Tổng hội (gọi là cộng tác viên).

4. Các ban chuyên môn và cơ quan giúp việc được thành lập và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành quyết định.

Chương V

CHIA TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Tổng hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Tổng hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Tổng hội

1. Tài chính của Tổng hội:

a) Nguồn thu của Tổng hội:

- Lệ phí gia nhập Tổng hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Tổng hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Tổng hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Tổng hội theo quy định của Ban Chấp hành Tổng hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các tài khoản chi hợp lệ khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Tổng hội: Tài sản của Tổng hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Tổng hội. Tài sản của Tổng hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Tổng hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Tổng hội

1. Tài chính, tài sản của Tổng hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Tổng hội.

2. Tài chính, tài sản của Tổng hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Tổng hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Tổng hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Tổng hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Tổng hội khen thưởng hoặc được Tổng hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Tổng hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Tổng hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Tổng hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo và khai trừ ra khỏi Tổng hội.

2. Ban Chấp hành Tổng hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Tổng hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng hội

1. Chỉ có Đại hội Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ hai (nhiệm kỳ 2019 - 2024) của Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thành phố Hà Nội thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Tổng hội, Ban Chấp hành Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. */Kst*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn